TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HC-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Tâm;

2. Bà Lâm Thị Kiều Dung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần An - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST-HC ngày 13 tháng 02 năm 2023, về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: bà Trần Thị P, sinh năm 1971; địa chỉ: nhà số H, tổ D, ấp B, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị P*:* bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1975; địa chỉ thường trú: phường Q, quận H, Hà Nội; nơi ở hiện nay: phòng B1803, sảnh B chung cư HTT Tower số A T, phường V, quận H, Hà Nội; *có mặt.*

Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: ông Dương Văn Ư, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh; *vắng mặt*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Thiện H, sinh năm 1975, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện D; *có mặt.*

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970, chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D; *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị P ***và bà*** Lê Thị Hồng V ***là người đại diện hợp pháp của bà*** P ***trình bày:***

Phần đất diện tích 200,2m^2 là một phần đất trong tổng số 351m², loại đất ONT: 300 m^2, CLN: 51 m^2; thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 16; tọa lạc tại xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh do bà Trần Thị P quản lý, sử dụng và được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt CNQSDĐ) số AH292225 ngày 08-01-2007 cho bà Trần Thị P.

Ngày 02-6-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1914/QĐ-UBND về việc thu hồi 200,2 m² đất nêu trên của bà Trần Thị P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường Đ - B.

Ngày 05-6-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1922/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường Đất Sét – B; với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà P là 594.794.122 đồng. Bà P không đồng ý với quyết định thu hồi đất, diện tích, mức giá bồi thường. Ngày 21-9-2022 bà P gửi đơn khiếu nại.

Ngày 03-11-2022, UBND huyện D ban hành Quyết định số 5607/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P.

Nay bà Trần Thị Phấn khởi k yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P; buộc UBND huyện D thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường đất lại từ đầu. Vì chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện có Văn bản số 435/UBND ngày 27-3-2023 nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P***:*** UBND huyện D giữ nguyên Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – Ông Nguyễn Thiện H ***trình bày:*** Việc áp giá bồi thường về đất thực hiện đúng theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 11-02-2020 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án đường Đ - B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện – Ông Nguyễn Văn H1 ***trình bày:*** ông thống nhất với lời trình bày của ông H, không bổ sung thêm.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị P và bà Lê Thị Hồng V là người đại diện hợp pháp của bà P trình bày: bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị xem xét các quyết định hành chính có liên quan.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày:

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng Hành chính trong việc thụ lý vụ án, ban hành văn bản tố tụng đúng thẩm quyền và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, bảo đảm đúng trình tự thủ tục, dân chủ trong xét hỏi và tranh luận tại phiên toà. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

+ *Về nội dung:* đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện là ông Dương Văn Ư có đơn xin vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về quyền khởi kiện: Ngày 03-11-2022, UBND huyện D ban hành Quyết định số 5607/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P. Bà Phấn khởi k yêu cầu hủy Quyết định này. Căn cứ theo Điều 115 Luật Tố tụng hành chính, bà P được quyền khởi kiện.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: bà Phấn khởi k yêu cầu hủy Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P. Xét thấy, quyết định hành chính này là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 3; Điều 30; Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: bà P nộp đơn khởi kiện ngày 01-12-2022, về khiếu kiện Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P là còn thời hiệu khởi kiện, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[5] Về nội dung: xét Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P và các quyết định hành chính có liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy:

5.1. Thực hiện dự án công trình đường Đất Sét – B là thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, công cộng được quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai. UBND huyện D tiến hành thu hồi đất của 114 hộ dân nằm trong dự án trong đó có đất bà Trần Thị P. Sau khi thực hiện việc đo

đạc, khảo sát, điều tra, kiểm đếm đất và tài sản trên đất. Ngày 02-6-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1914/QĐ-UBND về việc thu hồi 200,2 m² đất nêu trên của bà Trần Thị P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường Đ - B. Đến ngày 05-6-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1922/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị P để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đường Đất Sét – B; với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà P là 594.794.122 đồng. Cụ thể: thu hồi 200,2 m^2 đất (ONT: 149,2 m^2; CLN: 51 m^2), với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là: 412.248.000 đồng, gồm: Diện tích đất ở nông thôn: 149,2 m^2 (đất ONT) X 2.640.000 đồng/m^2 = 393.888.000 đồng. Diện tích đất trồng cây lâu năm: 51 m^2 (đất CLN) X 360.000 đồng/m^2 = 18.360.000 đồng. Nhận thấy, việc áp giá bồi thường là đúng với Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 11-02-2020 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường đất thực hiện dự án đường Đ - B.

5.2. Về diện tích đất thu hồi: Bà P cho rằng Nhà nước thu hồi cả phần diện tích đất của bà Trần Thị T (mẹ bà P) với diện tích khoảng 350 m^2, nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ về đất và thủ tục thu hồi đất đối với bà P là chưa đúng quy định của pháp luật. Nhận thấy, lời trình bày của bà P là không có căn cứ chấp nhận, vì bà P không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của bà P. Qua xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ của bà P thể hiện: nguồn gốc diện tích đất 351m²; thửa đất số 93, tờ bản đồ số 16, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: AH292225 ngày 08-01-2007 cấp cho bà Trần Thị P là do bà Trần Thị T (mẹ bà P) tặng cho bà P; đồng thời, diện tích đất bà P được cấp giấy đất bằng với diện tích đất bà Trần Thị T (mẹ bà P) được cấp trước khi tặng cho bà P (theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: AG215843 ngày 08-9-2006 do bà Trần Thị T đứng tên, với diện tích đất 351m²; thửa đất số 93, tờ bản đồ số 16, đất tại xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh là trùng với diện tích đã tặng cho bà P (bút lục 37 đến 45); do đó lời trình bày của bà P là không có căn cứ.

Ngoài ra, trước khi thu hồi đất UBND huyện D đã thực hiện đúng trình tự thủ tục về thu hồi đất, thông báo thu hồi đất, tiến hành lập biên bản kiểm tra hiện trạng đất. Do đó, việc thực hiện trình tự thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Trần Thị P đã thực hiện đúng, đảm bảo theo quy định Điều 69 của Luật Đất đai. Cụ thể, khi thu hồi đất của bà P, ngày 02-6-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1914/QĐ-UBND về việc thu hồi 200,2 m² đất nêu trên của bà Trần Thị P. Ngày 05-6-2021, UBND huyện D ban hành Quyết định số 1922/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị P và ngày 16-11-2021, Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 8689/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là đúng với quy định của pháp luật.

5.3. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại *(lần đầu)* của bà Trần Thị P, nhận thấy:

Ngày 21-9-2022 bà Trần Thị P có đơn khiếu nại. Ngày 03-11-2022 Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 5607/QĐ-UBND, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P.

Căn cứ Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 thì thời hiệu khiếu nại là còn thời hạn 90 ngày, nên thuộc trường hợp thụ lý giải quyết theo khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND huyện D ban hành Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 là đúng thẩm quyền theo Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Về nội dung: Do UBND huyện D ban hành các quyết định hành chính có liên đến việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Trần Thị P đã thực hiện đúng, đảm bảo theo quy định; do đó Chủ tịch UBND huyện D không chấp nhận khiếu nại của bà P là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền ban hành: Đối với việc Chủ tịch UBND huyện D ký Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P là đúng với quy định của pháp luật.

[6] Qua phân tích trên nhận thấy, Quyết định số 1914/QĐ-UBND ngày 02-6-2021 của UBND huyện D, về việc thu hồi 200,2 m² đất nêu trên của bà Trần Thị P; Quyết định số 1922/QĐ-UBND ngày 05-6-2021 của UBND huyện D,về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho bà Trần Thị P và Quyết định số 8689/QĐ-UBND ngày 16-11-2021 của Chủ tịch UBND huyện D, về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là các quyết định hành chính có liên quan, khi được ban hành đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[7] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P và các quyết định hành chính có liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, bà P yêu cầu buộc UBND huyện D thực hiện quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường đất lại từ đầu là không có cơ sở chấp nhận; nên không chấp nhận lời trình bày của bà P và bà Lê Thị Hồng V là người đại diện hợp pháp của bà P; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị P.

[8] Về án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Trần Thị P phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, khoản 3 Điều 69, Điều 74, Điều 89 của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, quy định về bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 148/2014/NĐ-CP ngày 18-12-2020 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị P, về yêu cầu hủy Quyết định số 5607/QĐ-UBND ngày 03-11-2022 của UBND huyện D, về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị P và các quyết định hành chính có liên quan.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: bà Trần Thị P phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu số: 0016511 ngày 08-02-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Quyền kháng cáo: bà Trần Thị P và các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn